BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 712 /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-BGDĐT ngày 12/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐĐH ngày 09/5/2025 của Hội đồng Đại học ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân *(có Quy chế kèm theo)*.

Điều 2. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc Đại học, các cá nhân có liên quan, sinh viên đại học chính quy của Đại học Kinh tế Quốc dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản trước đây (Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/04/2020 ban hành Quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học; Quyết định số 2081/QĐ-ĐHKTQD ngày 02/11/2021 và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 554/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/05/2024 về Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; Quyết định số 317/QĐ-ĐHKTQD ngày 06/04/2023 ban hành Quy định dạy và học theo mô hình Lecture/Seminar; Quyết định số 267/QĐ-

ĐHKTQD ngày 21/03/2023 ban hành Quy trình học vụ quản lý đào tạo đại học chính quy; Quyết định số 229/QĐ-ĐHKTQD ngày 07/03/2024 ban hành Quy trình quản lý đào tạo đại học chính quy).

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

GS.TS Phạm Hồng Chương

Nơi nhận:
- Đảng ủy, Hội đồng Đại học (để b/c);
- Như điều 2 (để t/h);
- P.TT (để đăng Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

của Đại học Kinh tế Quốc dân

(Ban hành theo Quyết định số 712 /QĐ-ĐHKTQD ngày 03 / 6 /2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân (sau đây gọi tắt là Đại học), bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; một số quy định khác liên quan đối với sinh viên của Đại học.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Đại học, các đơn vị, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học của Đại học.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

3. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

Điều 19: Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

1. Đối tượng áp dụng: Sinh viên đại học chính quy; không áp dụng với sinh viên là người nước ngoài.

2. Chuẩn đầu ra:

a) Sinh viên tốt nghiệp các ngành, chương trình đào tạo ở bậc đại học phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh với mức tối thiểu như sau:

Ngành/chương trình đào tạo	Khung NLNNVN	Chứng chỉ quốc tế tiếng Anh			
		IELTS	TOEFL IBT	TOEFL ITP	TOEIC 4 kỹ năng
Ngôn ngữ Anh	Bậc 5	6.5	79	x	x
Chương trình tiên tiến	Bậc 5	6.5	79	x	x
Chương trình chất lượng cao, POHE và các chương trình học bằng tiếng Anh	Bậc 4	6.0	60	543	730-290
Chương trình chính quy (học bằng Tiếng Việt)	Bậc 4	5.5	46	500	600-270

b) Nếu sinh viên có văn bằng phổ thông quốc tế, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ trong nước, nước ngoài ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong đào tạo là tiếng Anh thì được công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ của Đại học.

3. Điều kiện đăng ký xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

a) Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc văn bằng đáp ứng chuẩn đầu ra được đăng ký xét chuyển đổi tín chỉ các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo và xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi tốt nghiệp.

b) Đại học quy định chi tiết về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần ngoại ngữ cho từng chương trình đào tạo tại Phụ lục 02.

c) Sinh viên được công nhận kết quả học tập và quy đổi điểm phải hoàn thành nghĩa vụ lệ phí bảo lưu theo quy định.

d) Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học quyết định.

4. Việc quy đổi điểm tiếng Anh được thực hiện theo Phụ lục 2A, 2B của Quy chế này.

Phụ lục 2A: BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM TIẾNG ANH ĐỐI VỚI NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Trình độ	Khung tham chiếu châu Âu	IELTS (điểm */9)	TOEFL IBT (điểm */120)	Điểm quy đổi cho các học phần		
				Học phần 1 (Nghe, Nói, Đọc, Viết)	Học phần 2 (Nghe, Nói, Đọc, Viết)	Học phần 3 (Nghe, Nói, Đọc, Viết)
Cao cấp	C2	7.5-9.0	111-120	10	10	10
	C1	7	94-101	10	10	9
Trung cấp	B2	6,5	79-93	9	9	8

IELTS: International English Language Testing Service

TOEFL: Test of English as a Foreign Language

Phụ lục 2B: BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM TIẾNG ANH ĐỐI VỚI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIÊU CHUẨN

Trình độ	Khung Tham chiếu Châu Âu	KNLNNVN LCF	TOEIC		TOEFL iBT	IELTS (điểm*/9)	Điểm quy đổi cho các học phần		
			TOEIC (điểm* Nghe / đọc /990)	TOEIC (điểm* Nói - Viết/400)			HP1	HP2	HP3
Cao cấp	C2	6	945-990	380	110-120	8.0-9.0	10	10	10
	C1	5	850-940	330	102-109	7,5	10	10	10
					94-101	7,0	10	10	10
Trung cấp	B2	4	800-845	310	79-93	6,5	10	10	10
			730-795	290	60-78	6,0	10	9	8
			600-725	270	46-59	5,5	10	9	7

TOEFL: Test of English as a Foreign Language

TOEIC: Test of English for International Communication

IELTS: International English Language Testing Service